

Bản án số: 38/2021/DS-ST.

Ngày: 28 - 10 - 2021.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền.

2. Bà Đậu Thị Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B;

Địa chỉ trụ sở: Phường C, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Tùng L - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh N (Theo Quyết định v/v ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc Chi nhánh số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP B).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Trương Thị Mỹ N – Chuyên viên Phòng khách hàng Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh N (Theo Giấy ủy quyền v/v ủy quyền tham gia các quá trình xét xử vụ án theo các cấp tố tụng số 461/2021/GUQ ngày 20/10/2021 của Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh N) (Có mặt).

2/ Bị đơn: Ông Phạm Hùng T - sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu phố 1, phường

M, thành phố P, tỉnh N (*Vắng mặt*).

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Trịnh Nguyễn Thanh D – sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu phố 01, phường M, thành phố P, tỉnh N (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-3-2021 của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là bà Trương Thị Mỹ N trình bày:

Ngày 31-5-2016 ông Phạm Hùng T có ký hợp đồng tín dụng số 450-16/HĐTD-NT với Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh N (*Viết tắt là Ngân hàng*) vay số tiền 150.000.000^d (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) để sử dụng vào mục đích mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 31-5-2016 đến ngày 31-5-2021. Lãi suất cho vay do hai bên thỏa thuận cố định 12%/năm kể từ thời điểm nhận tiền vay cho đến hết tháng thứ 3. Kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất cho vay điều chỉnh 3 tháng/1 lần = lãi suất tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của L nhưng không thấp hơn 12%/năm (Lãi suất cho vay tại thời điểm ông T vay của Ngân hàng là 12%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi là 12,3%/năm). Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Việc trả nợ gốc và lãi được thực hiện: Trả nợ gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế; kỳ hạn trả nợ gốc và lãi cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Nếu bên vay không trả nợ đúng hạn và không được bên cho vay đồng ý điều chỉnh kỳ hạn hoặc gia hạn nợ, thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của khoản vay sẽ chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Nếu bên vay trả lãi chậm thì phải thanh toán cho bên cho vay số tiền chậm trả lãi như sau: Số tiền phạt = (Số tiền lãi chậm trả x Lãi suất phạt quá hạn x Số ngày chậm trả)/360; trong đó: Lãi suất phạt quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm bắt đầu chậm trả lãi.

Việc chuyển nợ quá hạn được thực hiện: Nếu bên vay không trả nợ đúng hạn và không được bên cho vay đồng ý điều chỉnh kỳ hạn hoặc gia hạn nợ, thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của khoản vay sẽ chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình vay vốn từ ngày 31-5-2016 đến ngày 16-4-2018 ông Phạm Hùng T đã trả tiền gốc và lãi hàng tháng theo Hợp đồng đã ký kết được số tiền 86.309.438 đồng (Trong đó: số tiền gốc đã trả là 58.475.000 đồng, số tiền lãi đã trả là 27.834.438 đồng). Từ ngày 17-4-2018 ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 25-5-2018 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28-10-2021, ông Phạm Hùng T còn nợ Ngân hàng số tiền 151.201.281 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu hai trăm lẻ một nghìn hai trăm tám mươi một đồng*); trong đó: nợ gốc là 91.525.000 đồng; nợ lãi là 18.196.293 đồng; phạt gốc quá hạn là 33.150.832 đồng; phạt lãi quá hạn là 8.329.156 đồng).

Do ông Phạm Hùng T vi phạm Hợp đồng tín dụng số 450-16/HĐTD-NT ngày 31-5-2016 đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện ông T tại Tòa án nhân dân thành phố P đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 28-10-2021 là 151.201.281 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu hai trăm lẻ một*

ngàn hai trăm tám mươi một đồng) và tiền lãi của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 29-10-2021 cho đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Phạm Hùng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Nguyễn Thanh D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Buộc ông Phạm Hùng T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 28-10-2021 là 151.201.281 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu hai trăm lẻ một ngàn hai trăm tám mươi một đồng*) và lãi suất phát sinh từ ngày 29-10-2021 cho đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp:* Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Hùng T phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 450-16/HĐTD-NT ngày 31-5-2016 đã ký kết. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn ông Phạm Hùng T có nơi cư trú tại khu phố 1, phường M, thành phố P, tỉnh N nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh N.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông Phạm Hùng T và bà

Trịnh Nguyễn Thanh D nhưng họ không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 31-5-2016 ông Phạm Hùng T vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000^d (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và đã nhận đủ số tiền vay. Hai bên có lập Hợp đồng tín dụng số 450-16/HĐTD-NT trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật; Hợp đồng quy định đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật. Các bên thỏa thuận trong hợp đồng, hàng tháng ông T có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng nhưng trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ; ông T chỉ trả được số tiền 86.309.438 đồng (Trong đó: số tiền gốc đã trả là 58.475.000 đồng, số tiền lãi đã trả là 27.834.438 đồng). Từ ngày 17-4-2018 ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 25-5-2018 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định ông T đã đơn phương vi phạm hợp đồng giữa hai bên, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về lãi suất, tiền phạt, các loại phí, chi phí: Các bên thỏa thuận cụ thể tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hợp đồng tín dụng là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 và Điều 418 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về người có trách nhiệm trả nợ: Tại “Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ” ngày 30-5-2016 có chữ ký của bà Trịnh Nguyễn Thanh D dưới mục “Người đồng trách nhiệm”. Tuy nhiên, Ngân hàng chỉ khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc một mình ông Phạm Hùng T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Bởi vì thời điểm ông T vay tiền của Ngân hàng thì ông T đang là cán bộ công tác tại kho vũ khí đạn H60 - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh N nên thuộc đối tượng khách hàng được cho vay tiêu dùng không tài sản bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức. Theo thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng số 450-16/HĐTD-NT ngày 31-5-2016 và theo cam kết của ông T thì việc trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng trên cơ sở từ tiền lương hàng tháng mà ông T nhận được từ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh N. Xét đề nghị của Ngân hàng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên việc buộc một mình ông Phạm Hùng T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có cơ sở. Do đó Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-10-2021) tổng cộng 151.201.281 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu hai trăm lẻ một nghìn hai trăm tám mươi một đồng*) là phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Bảng tính lãi; đồng thời phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Ngân hàng yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phạm Hùng Thành còn phải tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 29-10-2021 theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến

khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng. Xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 450-16/HĐTD-NT ngày 31-5-2016; phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[2.5]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Hùng T, bà Trịnh Nguyễn Thanh D có nội dung thể hiện Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả số tiền vay còn nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng nhưng ông T, bà D không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình nên có cơ sở khẳng định ông T, bà D đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Hùng T trả số tiền 151.201.281 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu hai trăm lẻ một nghìn hai trăm tám mươi một đồng*) và được Tòa án chấp nhận toàn bộ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn ông T phải chịu án phí dân sự sơ **thẩm là** 7.560.000 đồng (Đã làm tròn) (*Bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

1. Buộc ông Phạm Hùng T phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tổng cộng là 151.201.281 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu hai trăm lẻ một nghìn hai trăm tám mươi một đồng*); trong đó: nợ gốc là 91.525.000 đồng; nợ lãi là 18.196.293 đồng; phạt gốc quá hạn là 33.150.832 đồng; phạt lãi quá hạn là 8.329.156 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm - ngày 29-10-2021, ông Phạm Hùng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 450-16/HĐTD-NT ngày 31-5-2016 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi ông Phạm

Hùng T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Ông Phạm Hùng T phải chịu 7.560.000 đồng (Đã làm tròn) (*Bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.458.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023420 ngày 22-3-2021 của Chi cục thi hành dân sự thành phố P, tỉnh N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-10-2021). Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký*)

Vũ Thị Hồng